

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57A/2022/HNGĐ- ST

Ngày 15 – 8 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu H1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Như Toàn.

2. Bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Vân A– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1969

Nơi thường trú: tổ 6, khu 5, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Đào Văn C, sinh năm 1968;

Nơi thường trú: tổ 6, khu 5, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà và ông Đào Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11/5/1989. Trước khi kết hôn ông bà có thời gian tìm hiểu nhau một thời gian, chưa ai có vợ có chồng, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Vợ chồng sống không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Sau khi bà T sinh con thứ 2 (năm 1991) thì ông C bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không trở về địa phương và cũng không ai có tin tức gì của ông. Sau một thời gian chờ đợi không thấy ông C quay về nên bà T đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố ông C mất tích. Ngày 23/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố H đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2020/QĐST-DS về việc tuyên bố ông Đào Văn C mất tích. Hiện tại, ông C đi đâu làm gì gia đình không ai biết và cũng không có thông tin gì của ông C, mặc dù bà T cùng gia đình cũng đã tìm kiếm ông C nhiều năm nhưng không có tin tức gì. Nay do thời gian quá lâu, bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông C, T tế cuộc sống hôn nhân đã không tồn tại nên bà T đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Đào Văn C có 02 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 24/7/1990 và Đào Thị Ngọc T2, sinh ngày 31/10/1991. Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) và không bị nhược điểm về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Đào Văn C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà T và ông C không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Văn C đã được Tòa án nhân dân thành phố H tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2020/QĐST-DS ngày 23/7/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và thư ký từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử: thẩm phán và thư ký đã T hiện đúng pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn: đã T hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 11/2020/QĐST-DS ngày 23/7/2020 và Tòa án đã T hiện thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Đào Văn C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, bà T và ông C

đã xảy ra mâu thuẫn và đến năm 1991 ông C bỏ nhà đi không có mặt tại địa phương. Từ đó cho đến nay, gia đình không có tin tức gì của ông C cũng như không biết ông đi đâu và làm gì. Xét thấy bà T và ông C cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại từ lâu nên không thể hàn gắn và đoàn tụ để chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T.

Về con chung: Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C có 02 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 24/7/1990 và Đào Thị Ngọc T2, sinh ngày 31/10/1991. Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) và không bị nhược điểm về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T và ông C không có vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị T hiện đang sinh sống và có hộ khẩu tại tổ 6, khu 5, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Ông Đào Văn C có ĐKKTT và nơi cư trú cuối cùng tại tổ 6, khu 5, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đào Văn C đã bỏ nhà đi từ năm 1991 không có mặt tại địa phương và đã được Tòa án nhân dân thành phố H ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc Yêu cầu tuyên bố ông Đào Văn C mất tích. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa phương nơi ông C sinh sống cuối cùng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự cùng những tài liệu chứng cứ có trong vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11/5/1989; trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 1991, khi bà T sinh con thứ 2 thì ông C đã bỏ nhà đi không có tin tức gì. Từ đó cho đến nay bà T cùng gia đình đã tìm kiếm ông C nhiều năm nhưng không có tin tức

gì, không ai biết ông C đi đâu làm gì và không ai liên lạc được với ông C. Hiện tại, do thời gian ông C bỏ đi đã lâu, nay xét thấy bà T không còn tình cảm vợ chồng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Văn C. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 11/2020/QĐST-DS ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố ông Đào Văn C, sinh năm 1968 (nơi cư trú cuối cùng tại tổ 6, khu 5, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) mất tích. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C có 02 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 24/7/1990 và Đào Thị Ngọc T2, sinh ngày 31/10/1991. Con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) và không bị nhược điểm về thể chất lẫn tinh thần nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T và ông C không có vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Đào Văn C.

- *Về con chung:* Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C có 02 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 24/7/1990 và Đào Thị Ngọc T2, sinh ngày 31/10/1991. Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) và không bị nhược điểm về thể chất lẫn tinh thần nên không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và C nợ chung:* Bà Võ Thị T và ông Đào Văn C không có tài sản chung, không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào không nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Võ Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000583 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử C khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Tp H;*
- *Chi cục THADS Tp H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cơ quan T hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu H1